

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2018

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hưon.

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phan Đình Ho**, sinh năm: 1973.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm: 1979.

Cùng hộ khẩu thường trú: Số nhà 3, ấp A, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Ho có mặt, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2018 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn anh Phan Đình Ho trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Long Thành ngày 26/11/2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường cho đến ngày 14/10/2014 thì chị H bỏ nhà đi cho đến nay không có liên lạc với gia đình, cũng không về thăm con. Trong thời gian chị H bỏ nhà đi anh đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có tin tức, anh cũng nhờ báo đài và thông tin đại chúng tìm kiếm nhưng cũng không có kết quả gì. Vào tháng 10/2017 anh đã có nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất tích, ngày 23/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ban hành quyết định số 05/2018/QĐDS-ST tuyên bố chị Trần Thị Thu H mất tích. Nay anh nhận thấy giữa anh và chị H không còn liên hệ được với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống riêng.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Trần Nhật M, sinh ngày 03/9/2001.

Hiện cháu M đang ở cùng với anh, nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm công nhân, thu nhập bình quân một tháng khoảng 6.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Trước đây trong đơn khởi kiện anh có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của anh và chị H là quyền sử dụng đất diện tích 287,6m² thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã L, huyện Thống Nhất. Ngày 09/5/2018 anh Ho đã có nộp đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản.

+ Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị Trần Thị Thu H vắng mặt không có lời khai.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định số 05/2018/QĐDS – ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành; Bản tự khai của anh Ho; Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện; Đơn đề nghị xác minh thu thập chứng cứ của anh Ho; Bản tự khai của cháu M; Bảng sao kê tiền lương của anh Ho; Các biên bản ghi nhận sự việc; Các biên bản xác minh tại UBND xã B, Công an xã B; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Bị đơn chị Trần Thị Thu H không có mặt, không có lời khai nên không thương lượng thỏa thuận được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Ho và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, chị H đã bỏ nhà đi từ tháng 10/2014, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, Tòa án đã tuyên bố chị H mất tích. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ho. Về con chung: có 01 con chung là cháu Phan Trần Nhật M, sinh ngày 03/9/2011; hiện cháu M đang sống cùng anh Ho và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh Ho nên đề nghị giao cháu M cho anh Ho nuôi dưỡng, anh Ho không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Phan Đình Ho về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 287,6m² thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã L, huyện Thống Nhất. Về nợ chung: không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ho phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn chị Trần Thị Thu H nhưng chị H vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ho và chị H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 26/11/2001 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H bỏ nhà đi nên anh Ho nộp đơn xin ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Ho: Chị H bỏ nhà đi từ ngày 14/10/2014 cho đến nay không có tin tức, ngày 23/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Long Thành ban hành quyết định số 05/2018/QĐDS-ST tuyên bố chị Trần Thị Thu H mất tích. Nay tại Tòa anh Ho xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ho, xử cho anh Hoàng được ly hôn chị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Trần Nhật M, sinh ngày 03/9/2001.

Ly hôn anh Ho yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Xét thấy hiện nay cháu M đang sống cùng anh Ho, cháu M có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh Ho, hiện tại anh Ho có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của anh Ho, giao cháu M cho anh Ho trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh Ho không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đối với yêu cầu của anh Phan Đình Ho về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 287,6m² thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Ngày 09/5/2018 anh Phan Đình Ho có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung.

Xét thấy, việc anh Ho rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu trên. Anh Ho không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ.

Về nợ chung: Anh Ho khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Ho phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đình Ho về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” đối với chị Trần Thị Thu H, xử cho anh Phan Đình Ho được ly hôn chị Trần Thị Thu H.

- Về con chung: Xử giao cháu Phan Trần Nhật M, sinh ngày 03/9/2001 cho anh Ho trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Ho, chị H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Chị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 287,6m² thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Phan Đình Ho phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí anh Ho đã nộp theo biên lai thu số 002115 ngày 12/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, hoàn trả cho anh Ho 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Anh Phan Đình Ho được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai (1);
 - VKSND H. Long Thành (1);
 - Chi cục THADS H. Long Thành (1);
 - Các đương sự (2);
 - UBND xã B (1)
- Giấy CNKH số 33 ngày 26/11/2001;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
 - Lưu (3).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Thị Hồng Gấm

